

Bản án số: 334/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/5/2024

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị V**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: số 55 Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/6/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Đoàn Thị V trình bày:

Bà V và ông Nguyễn Thanh C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 05, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến

năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau. Sau nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hiện nay hai bên đang sống ly thân. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà V và ông C có một con chung tên Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 22/10/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung với ông C, bà V có mua căn nhà số 55 (số cũ là 26/1) Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền để mua căn nhà này là tiền bà bán căn nhà số 1183/42 Đường H, Phường E, Quận H (tài sản riêng của bà V).

Bà V và ông C đã thực hiện thủ tục tặng cho nhà đất số 55 Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH06338 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 04/02/2021 cho con chung tên Nguyễn Gia Đ và con gái của bà là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1997; nhà đất trên đã cập nhật thay đổi sở hữu vào ngày 15/02/2024. Ngày 31/1/2024, bà V đã rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản là căn nhà này.

Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Thanh C trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà V về thời gian kết hôn, về con chung, nợ chung là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm không hợp nhau; mâu thuẫn giữa ông và con gái riêng của bà V ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đã chuyển đến sinh sống tại nhà số 55 Đường S Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy vợ chồng không còn sống chung nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà V. Hơn nữa, bà V đang bị bệnh trầm cảm, cần ông chăm sóc và mong muốn được hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên ông không muốn ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung tên Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 22/10/2013. Con chung đang sống cùng bà V, ông muốn con chung được sống cùng cha mẹ.

- Về tài sản chung: Ngày 18/8/2023, ông C nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với nhà, đất số 55 Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ là 26/1 Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố

Hồ Chí Minh). Ngày 20/01/2024, ông đã nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện độc lập đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà ở và quyền sử dụng đất trên. Ông và bà V đã thực hiện thủ tục tặng cho tài sản này cho Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Gia Đ, đã được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh 8 cập nhật thay đổi sở hữu vào ngày 15/02/2024.

- Về nợ chung: Ông xác định ông và bà V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8.

Về thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định pháp luật được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày và sự thống nhất của các đương sự về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nghĩa vụ về nợ chung khi ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đoàn Thị V và ông Nguyễn Thanh C có đăng ký kết hôn, bà V yêu cầu ly hôn với ông C, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Thanh C đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 14/5/2024; Bị đơn ông Nguyễn Thanh C, nguyên đơn bà Đoàn Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 26/4/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông C có đơn đề nghị rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn đề ngày 15/01/2024 và ngày 20/01/2024. Nguyên đơn - bà V có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 31/01/2024. Nhận thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và bị đơn rút yêu cầu phản tố liên quan đến tranh chấp tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 258, Quyền số 01/2013 ngày 16/10/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của bà V và ông C về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà V và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Xét, yêu cầu xin ly hôn của bà V: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình tại địa chỉ Đường S, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không còn hòa hợp nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không đạt được kết quả, các bên đang sống ly thân. Bà V xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông C nên bà yêu cầu ly hôn ông C.

Căn cứ vào những các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bà V và ông C được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng ông C, bà V chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông C, bà V không sống chung nhà, mỗi người tự lo đời sống của mình không quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông C, bà V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã đồng ý ly hôn với bà Đoàn Thị V theo nội dung được ghi nhận tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 31/01/2024. Tuy nhiên, ngày 01/2/2024 ông C đã có Đơn thay đổi ý kiến hòa giải có nội dung “thay đổi ý kiến, không đồng ý với kết quả hòa giải ngày 31/01/2024. Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2024, ông C có ý kiến trình bày: “ Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tính tình và quan điểm không hợp nhau; mâu thuẫn giữa tôi và con gái riêng của

bà V ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nhưng ông không đồng ý ly hôn vì lý do bà V đang bị bệnh trầm cảm, cần ông chăm sóc và ông mong muốn được hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà V xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông C. Về vấn đề liên quan đến bệnh trầm cảm như ông C trình bày thì bà đã cung cấp Hội đồng xét xử các chứng cứ liên quan đến quá trình điều trị bệnh và kết quả hiện nay bệnh của bà được chữa trị, tình hình đã ổn định. Đồng thời bà V cũng trình bày lý do dẫn đến việc bà bị bệnh có phần từ phía ông C. Nay, bà V vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Ông C, bà V không sống chung nhà, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ gì với nhau, thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà V và ông C có một con chung tên Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 22/10/2013. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo bản tự khai ngày 28/3/2024 thì trẻ Đ có nguyện vọng được sống với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông C cũng thể hiện ý kiến về phần con chung là xem xét theo nguyện vọng của con chung hoặc là trường hợp Tòa giao cháu Đạt cho bà V nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định. Tại các biên bản hòa giải, ông C đều thống nhất giao con chung tên Nguyễn Gia Đ cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng. Xét thấy, các bên đã thống nhất về việc giao con và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của trẻ và quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 22/10/2013 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Ông C và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn bà V phải chịu; 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng ông C phải chịu theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị V về việc tranh chấp về quyền sở hữu tài sản.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh C về việc yêu cầu chia tài sản chung.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị V:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Thanh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 258, Quyền số 01/2013 ngày 16/10/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Bà V và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 22/10/2013. Giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia Đ. Ông Nguyễn Thanh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên.

Ông Nguyễn Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì

hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà V và ông C đã tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà V và ông C xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002654 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho bà Đoàn Thị V số tiền 56.650.000 đồng theo biên lai thu số 0035968 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh C số tiền 43.500.000 đồng theo biên lai thu số 0036086 ngày 23/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 5, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga

